

shēn tǐ piān
身 體 篇

153. shēn tǐ 身 體	158. yá chǐ 牙 齒
154. tóu fa 頭 髮	159. yǎn jing 眼 睛
155. liǎn ér 臉 兒	160. ěr duo 耳 朵
156. bí zi 鼻 子	
157. zuǐ ba 嘴 巴	

日期	/	/	/	/	/
語言	粵語/普通話(請圈出)				
流暢	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊
準確	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊
家長簽署					